TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA A
TỈNH CB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA A - CB

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Kim Chi

Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Bế Kim Phong
2. Bà Nông Thị Phương Loan

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Hà Văn Tân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa A, tỉnh CB

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa an: ông Trịnh Nguyễn HU – kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa A, tỉnh CB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- NgU đơn: Chị Hoàng Thị U, sinh năm: 1987, có mặt.
Địa chỉ: Xóm Goòng Ch, xã Lê Ch, huyện Hòa A, tỉnh CB.

- Bị đơn: Anh Bế Hải Tr, sinh năm: 1984, vắng mặt có lý do
Địa chỉ: Xóm Goòng Ch, xã Lê Ch, huyện Hòa A, tỉnh CB. Hiện đang chấp hành án tại Đội 29, phân trại số 03, Trại giam Hoàng Tiến, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 7 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa ngU đơn chị Hoàng Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bế Hải Tr tổ chức hôn lễ vào ngày 20 tháng 02 năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình, đến ngày 28/02/2007 hai vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Lê Ch, huyện Hòa A, tỉnh CB. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc được 01 năm thì phát hiện chồng sử dụng trái phép

chất ma túy, anh thường xU vắng nhà và rất lười lao động, dẫn đến mâu thuẫn phát sinh. Gia đình hai bên đã khU bảo, hòa giải nhiều lần nhưng anh Tr không nghe mà càng ngày càng lún sâu hơn, anh bị bắt giam về tội mua bán trái phép chất ma túy, mức hình phạt 20 năm tù. Kể từ ngày anh đi thụ hình, chị và anh đã sống ly thân được 04 năm. Hiện chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Tr có 01 con chung họ tên là: Bế Nguyệt Nh, sinh ngày 24/9/2007, hiện con đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, vay nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 18/9/2019, bị đơn anh Bế Hải Tr trình bày:

Chúng tôi tổ chức lễ cưới vào khoảng đầu năm 2007, trước khi kết hôn, có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2009 anh vi phạm pháp luật bị bắt, đến năm 2011 được trả tự do, vợ chồng tiếp tục chung sống đến năm 2015, anh lại bị bắt và đi tù từ đó đến nay. Trong thời gian chung sống với nhau, chúng tôi thường xU cãi vã, sau đó hai vợ chồng tự giải quyết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị U.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung họ tên là: Bế Nguyệt Nh, sinh ngày 24/9/2007, hiện con đang sống cùng bà nội. Khi ly hôn yêu cầu để bà nội trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị U phải cấp dưỡng nuôi con.

*Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn vắng mặt có lý do

Ý kiến, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa A:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, HĐXX, thư ký Tòa án đã tuân theo đúng nội dung các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

2.Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được HĐXX xem xét, kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Căn cứ vào khoản 1 các Điều 28, 35, 39, và các Điều 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị U có quan hệ hôn nhân với anh Bế Hải Tr, địa chỉ: Xóm Goòng Ch, xã Lê Ch, huyện

Hòa A, tỉnh CB có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Chung, là hôn nhân hợp pháp. Nay chị U khởi kiện xin ly hôn với anh Tr, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa A theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của nguyên, bị đơn: Bị đơn anh Bế Hải Tr hiện đang đi chấp hành án không thể có mặt tại phiên tòa được. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị U và anh Bế Hải Tr kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê Ch, huyện Hòa A, tỉnh CB theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Tr mắc bệnh nghiện ma túy, hiện đang đi chấp hành án phạt tù 20 năm tại Trại giam Quyết Tiến. Hiện chị U xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr và yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy, chị U và anh Tr mặc dù đã được gia đình, xóm, xã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, chị U có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng do anh Tr đang đi thụ hình nên không thể tiến hành Hòa giải được, tuy nhiên anh Tr đã có bản khai xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với chị U và nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị U và anh Tr là không thể hàn gắn do cả hai đã hết tình cảm vợ chồng, nên cần ghi nhận thuận tình ly hôn của chị U và anh Tr.

- Về con chung: Chị U và anh Tr có 01 con chung, họ tên Bế Nguyệt Nh, sinh ngày 24/9/2007, hiện đang chung sống cùng Mẹ tại Xóm Goòng Ch, xã Lê Ch, huyện Hòa A, tỉnh CB, khi ly hôn chị U và anh Tr đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị U là có căn cứ vì theo Luật hôn nhân và gia đình, khi ly hôn con chung sẽ được giao cho cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Hiện anh Tr đang chấp hành án không thể trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị U và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bế Nguyệt Nh có nguyện vọng được sống cùng Mẹ.

- Về cấp dưỡng: Chị U, anh Tr đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

- Về tài sản, vay nợ chung: Chị U, anh Tr xác định vợ chồng không có tài sản, vay nợ chung và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[4] Về án phí: NgU đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 các Điều 28, 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị U:

- Về hôn nhân: Chị U và anh Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Bế Nguyệt Nh, sinh ngày 24/9/2007 cho chị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do chị U không yêu cầu.

- Về án phí: Nguyên đơn chị U phải chịu nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 300.000đồng đề sung quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0001329 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa A, tỉnh CB.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng kim Chi

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoà A;
- CCTHADS Hoà A;
- UBND xã ;
- TAND tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.